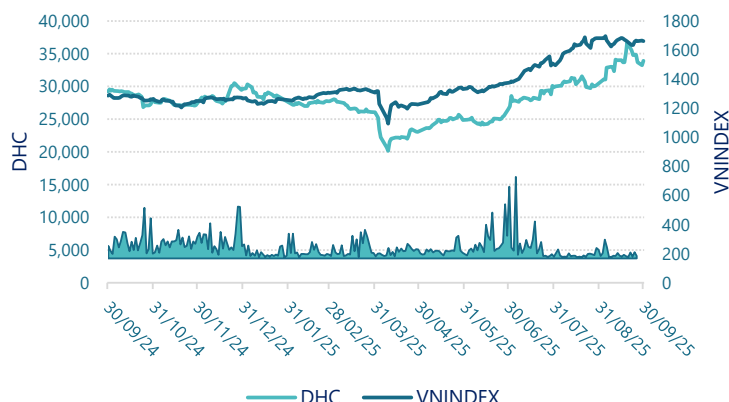


CTCP Đông Hải Bến Tre (HSX: DHC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	34,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	36,769
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	20,157
SL cổ phiếu LH	96,591,206
KLGD BQ 20 phiên (CP)	546,615
% sở hữu nước ngoài	36.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,371
P/E	11.0
EPS	3,182

DT thuần

Q3/25

932

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 51.0 | 5.8%

YoY: ▲ 36.0 | 4.0%

LN sau thuế

Q3/25

99.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 16.6 | 20.0%

YoY: ▲ 22.6 | 29.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

13.4%

+/- YoY: ▲ 2.7%

DT thuần

9T 2025

2,639

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 84.0 | -3.1%

LN sau thuế

9T 2025

258

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 65.0 | 33.7%

ROE

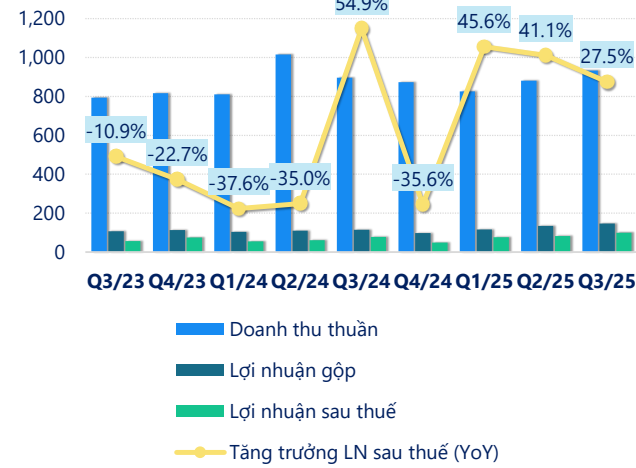
Q3/25

14.9%

+/- YoY: ▲ 0.8%

tỷ VNĐ

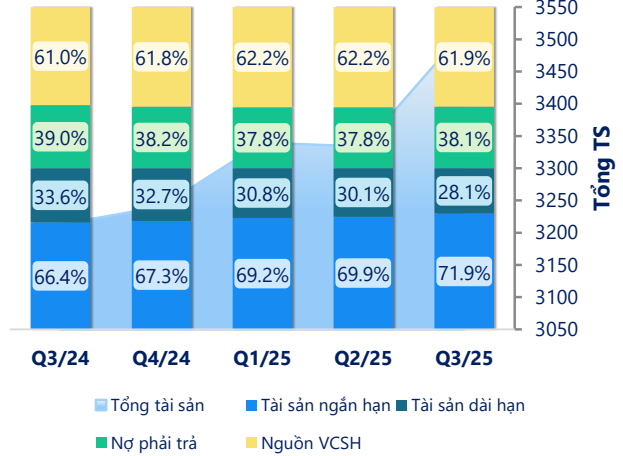
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

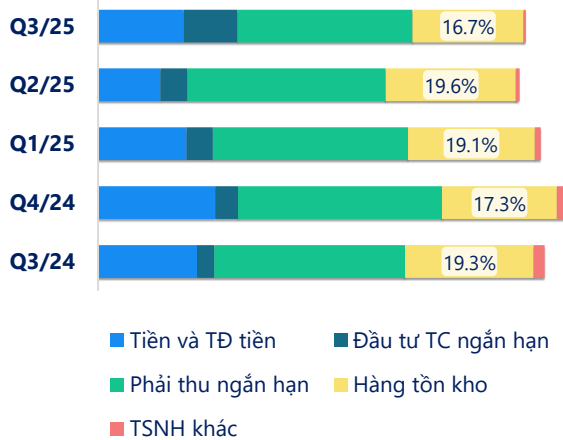
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



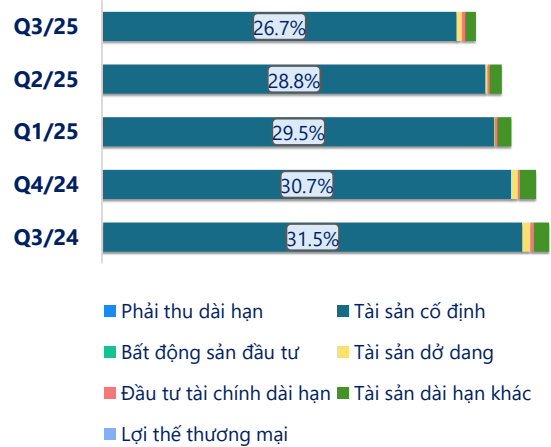
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

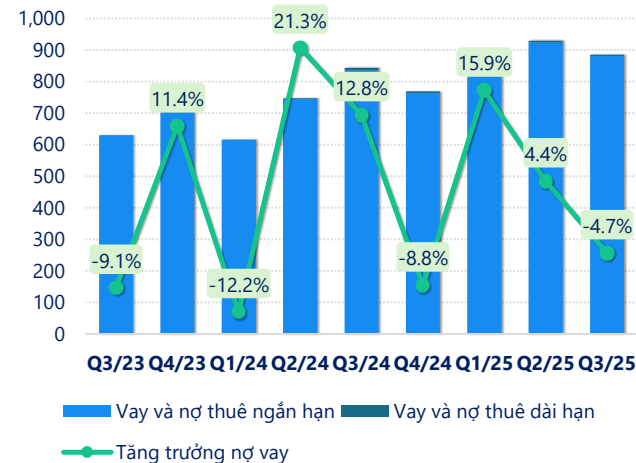
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

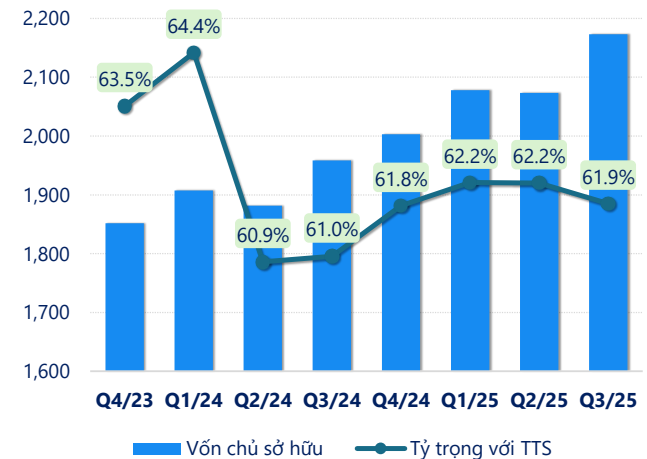
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

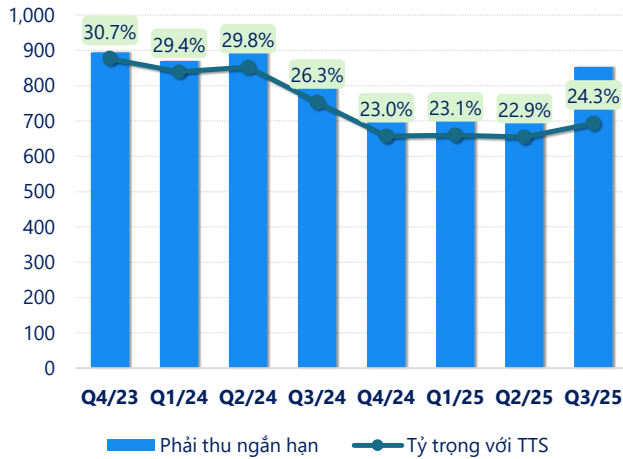
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



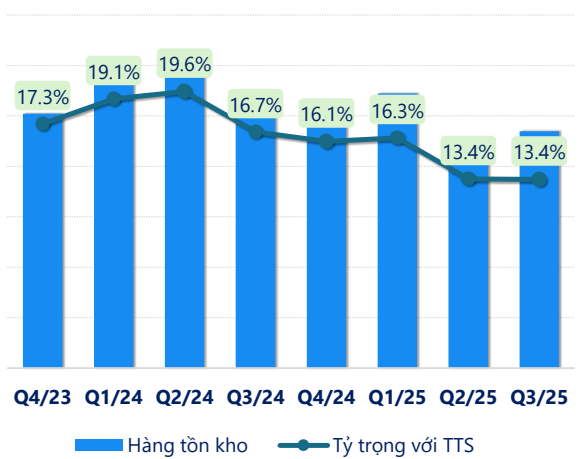
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


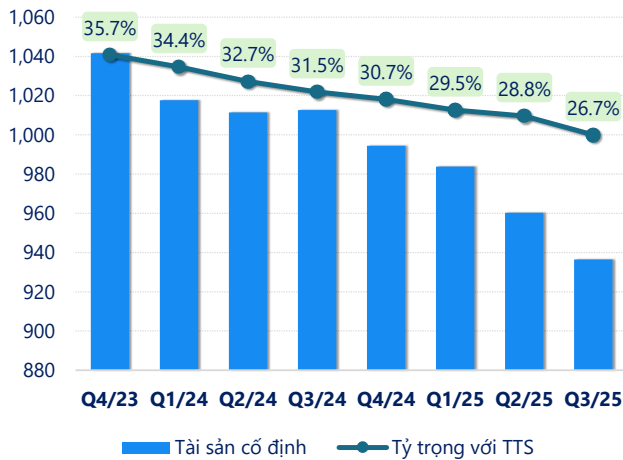
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


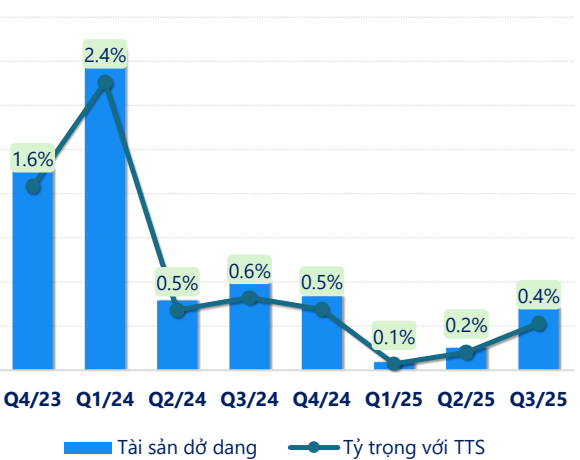
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

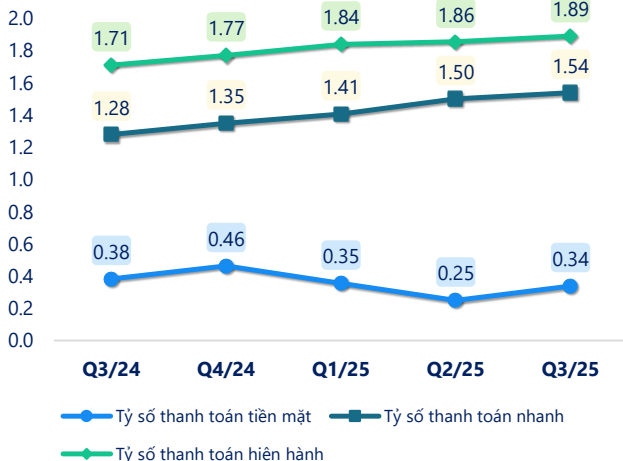
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

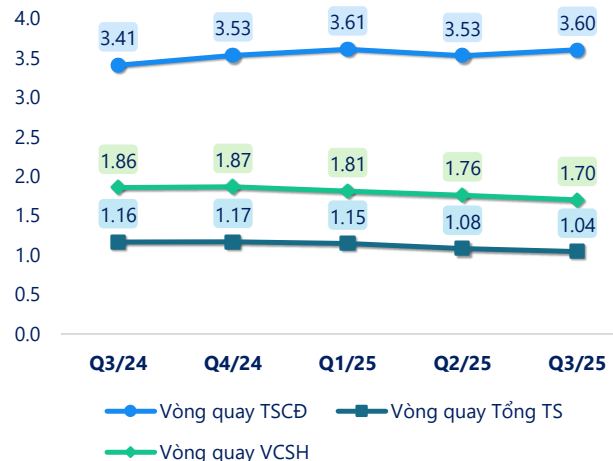
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	3,213	3,240	3,340	3,333	3,513
Tài sản ngắn hạn	2,132	2,182	2,311	2,331	2,525
Tiền và tương đương tiền	478	571	445	313	453
Đầu tư tài chính ngắn hạn	259	334	543	800	737
Phải thu ngắn hạn	846	745	771	764	852
Hàng tồn kho	537	520	545	447	469
Tài sản ngắn hạn khác	11.6	11.6	7.06	7.28	13.7
Tài sản dài hạn	1,081	1,058	1,029	1,003	988
Phải thu dài hạn	3.10	2.57	2.03	1.50	0.96
Tài sản cố định	1,013	994	984	960	937
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	19.8	16.7	1.84	5.09	14.1
Đầu tư tài chính dài hạn	8.40	5.53	5.84	5.37	8.08
Tài sản dài hạn khác	36.6	39.2	35.0	30.5	28.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,255	1,237	1,262	1,260	1,340
Nợ ngắn hạn	1,247	1,232	1,257	1,256	1,336
Vay và nợ thuê ngắn hạn	835	763	885	925	881
Phải trả người bán ngắn hạn	348	403	334	256	361
Nợ dài hạn	7.60	5.50	5.50	4.50	4.50
Vay và nợ thuê dài hạn	7.60	5.50	5.50	4.50	4.50
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,958	2,003	2,078	2,073	2,173
Vốn chủ sở hữu	1,958	2,003	2,078	2,073	2,173
Vốn điều lệ	805	805	805	966	966
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)